

Số: /KH-MTTQ-BTT

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Tuyên truyền Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 – 2030

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 - 2030, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế, gắn với liên kết chuỗi giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh; đóng góp tích cực vào tăng trưởng GRDP, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Phát huy vai trò của hợp tác xã, doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, mở rộng thị trường và nâng cao thu nhập cho người dân.

II- NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Quan điểm

1.1. Tuân thủ đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật, nhất là Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính

phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, kinh tế tập thể, hợp tác xã là thành phần kinh tế quan trọng cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp là đột phá chiến lược thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

1.2. Phát triển kinh tế tư nhân theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững và có trách nhiệm xã hội; bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị và xây dựng đội ngũ doanh nhân có tri thức, bản lĩnh, khát vọng đóng góp cho sự phát triển của tỉnh.

1.3. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, gắn với chuỗi giá trị và yêu cầu của thị trường; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò của hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và kinh tế địa phương.

1.4. Ưu tiên phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trở thành một trong những động lực tăng trưởng mới; thúc đẩy ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ.

1.5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; bảo đảm các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã thực chất, minh bạch, công bằng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm người đứng đầu.

1.6. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân; tăng cường liên kết, phối hợp trong triển khai các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu, định hướng phát triển đến năm 2030

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế, gắn với liên kết chuỗi giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh; đóng góp tích cực vào tăng trưởng GRDP, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và nâng cao đời sống Nhân dân. Phát triển đa dạng các mô hình liên kết sản xuất - kinh doanh, thu hút hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp tham gia các chuỗi giá trị bền vững; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô phù hợp, ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, phân phối và tiêu thụ sản phẩm; phát huy vai trò của hợp tác xã, doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, mở rộng thị trường và nâng cao thu nhập cho người dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2030

- Phần đầu toàn tỉnh có khoảng 5.500 doanh nghiệp (*mỗi năm thành lập mới thêm khoảng 360 doanh nghiệp*) và có trên 43.000 hộ kinh doanh, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho trên 107.000 người, trong đó lao động trong các doanh nghiệp trên 40.000 người, thu nhập bình quân/lao động/tháng đạt từ 10 triệu đồng trở lên; khoảng 1.400 hợp tác xã (*mỗi năm thành lập mới thêm khoảng 75 hợp tác xã*). Trong đó có 1.030 hợp tác xã nông nghiệp với tổng số thành viên hợp tác xã là 11.579 người, doanh thu bình quân 01 hợp tác xã đạt 1.600 triệu đồng/năm.

- Có trên 20 doanh nghiệp, hợp tác xã gắn với 25 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 9%/năm, khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể đóng góp tối thiểu 25% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, cả giai đoạn 2025 - 2030 đạt trên 9.414 tỷ đồng.

- Số hợp tác xã hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm trên 60% tổng số hợp tác xã hoạt động; 20% hợp tác xã ứng dụng khoa học và công nghệ hoặc chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý; hình thành 10 hợp tác xã tiêu biểu ứng dụng công nghệ mới trong nông nghiệp, chế biến và du lịch; tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt từ 25% trở lên; xử lý dứt điểm các hợp tác xã đã ngừng hoạt động, chờ giải thể.

- Trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, phần đầu có ít nhất 100 doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (*bao gồm doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp có quỹ khoa học và công nghệ, doanh nghiệp có sản phẩm mới hoặc đổi mới quy trình sản xuất*); trong đó, có ≥ 20 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, ≥ 15 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, và 10% doanh nghiệp có quỹ khoa học và công nghệ hoặc chi R&D.

- Đến năm 2030, phần đầu có 50 sản phẩm, sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu được bảo hộ trên địa bàn toàn tỉnh; ít nhất 10 doanh nghiệp/năm được hỗ trợ chuyển đổi số, ươm tạo, thử nghiệm sandbox công nghệ mới theo chỉ đạo của Trung ương.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Nâng cao nhận thức về vai trò kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và đổi mới sáng tạo

Các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới đội ngũ cán bộ, đảng viên, doanh nhân và nhân dân về vai trò then chốt của kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã và khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội; coi đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài, trọng tâm và xuyên suốt. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy từ quản lý, hành chính sang kiến tạo phát triển; khẳng định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược.

Tập trung bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, doanh nhân, giám đốc hợp tác xã và lực lượng trẻ có tư duy đổi mới sáng tạo, năng lực số, kỹ năng quản trị hiện đại, tư

duy thị trường và tinh thần sáng tạo; tôn vinh điển hình tiên tiến, doanh nhân tiêu biểu, mô hình hợp tác xã hiệu quả và các sáng kiến đổi mới công nghệ - mô hình sản xuất kinh doanh, nhân rộng những mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả, tạo dựng văn hóa đổi mới, hợp tác, minh bạch, trách nhiệm xã hội và khát vọng vươn lên trong mọi tầng lớp nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

3.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo theo tinh thần của Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; thường xuyên rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng, minh bạch giữa các thành phần kinh tế; bảo đảm quyền cạnh tranh bình đẳng cho kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển nguồn nhân lực.

Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với việc kiểm tra, giám sát; kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và đổi mới sáng tạo, bảo đảm thống nhất đầu mối, rõ trách nhiệm, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa dịch vụ công, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, hợp tác xã; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp và hợp tác xã.

Tập trung cải thiện thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La theo hướng "*đồng hành - phục vụ - kiến tạo phát triển*"; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi

trường, thuế, hải quan, bảo đảm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và hợp tác xã.

Đẩy mạnh triển khai cơ chế "*một cửa, một cửa liên thông*" gắn với chuyển đổi số; tăng cường đối thoại định kỳ, tiếp nhận và xử lý kịp thời kiến nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã; lấy mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả quản lý nhà nước.

Số hóa, minh bạch hóa và đơn giản hóa thủ tục về kế toán, thuế, bảo hiểm; thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, hợp tác xã tiếp cận sản phẩm tài chính, chính sách ưu đãi về miễn, giảm thuế, tiền sử dụng đất. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh, tín dụng; triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành của Chính phủ; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực và tính chi phí đào tạo vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện và triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể, đặc biệt tại các vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và địa bàn đặc biệt khó khăn. Tăng cường các chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, quỹ bảo lãnh tín dụng và các gói vay ưu tiên cho hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và hộ sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để các chủ thể kinh tế tiếp cận nguồn vốn phát triển sản xuất, mở rộng quy mô, đầu tư đổi mới công nghệ và hạ tầng sơ chế - bảo quản - chế biến.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn kỹ năng quản lý, quản trị sản xuất - kinh doanh, chuyển đổi số và thương mại điện tử cho cán bộ công chức, viên chức, cán bộ hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và chủ thể kinh tế tập thể, nhất là tại các vùng khó khăn; tăng cường năng lực thực thi chính sách, năng lực quản trị và khả năng thích ứng trước yêu cầu mới của thị trường và chuyển đổi số.

3.3. Phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể trở thành động lực quan trọng của tỉnh

Triển khai chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã; khuyến khích mô hình doanh nghiệp gia đình chuyển đổi sang quản trị hiện đại, hộ kinh doanh chuyển thành doanh nghiệp; nâng cao năng lực quản trị, chất lượng lao động, tiêu chuẩn sản phẩm, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

Ưu tiên phát triển các doanh nghiệp và hợp tác xã trong các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, gồm: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến sâu nông sản, logistics nông sản, thương mại biên mậu, du lịch bản sắc, dịch vụ số, năng lượng tái tạo; đồng thời khuyến khích phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, góp phần nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế bền vững.

Đẩy mạnh phát triển hợp tác xã kiểu mới gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ; nâng cao năng lực quản trị, năng lực thị trường; hỗ trợ tiếp cận tín dụng, đất đai, đào tạo nhân lực và xúc tiến thương mại; từng bước xây dựng khu vực kinh tế tập thể trở thành nền tảng hỗ trợ quan trọng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và kinh tế địa phương.

3.4. Nâng cao hiệu quả và mở rộng quy mô khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể

Tập trung củng cố, phát triển khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; tăng cường năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh, đổi mới mô hình tổ chức sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị; mở rộng quy mô hoạt động gắn với phát triển thị trường trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp và hợp tác xã phát triển sản xuất theo hướng tiêu chuẩn hóa, ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích hình thành các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ sản xuất; mở rộng vùng nguyên liệu tập trung, nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và thương mại hóa sản phẩm.

Tăng cường phát triển vùng nguyên liệu gắn với duy trì và xây dựng "Mã số vùng trồng xuất khẩu" như là nền tảng bắt buộc để nâng cao giá trị và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản của cả khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể. Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất thực hiện quy trình sản xuất an toàn, ghi chép nhật ký, truy xuất nguồn gốc; rà soát, cấp mới, duy trì và giám sát mã số vùng trồng - mã số cơ sở đóng gói theo yêu cầu của Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Mỹ và các thị trường khó tính khác. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư cơ sở sơ chế - bảo quản - đóng gói đạt chuẩn; ứng dụng nền tảng số trong quản lý vùng trồng và điều hành chuỗi cung ứng; hình thành các liên kết vùng nguyên liệu bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng tham gia chuỗi giá trị xuất khẩu của khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể.

Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc điện tử; thúc đẩy hình thành các cụm liên kết ngành trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến, du lịch và dịch vụ; mở rộng mạng lưới phân phối hàng hóa trong và ngoài tỉnh.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận tín dụng, đất đai, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, thương mại điện tử; tăng cường đào tạo quản trị doanh nghiệp, kỹ năng thị trường, quản lý sản xuất; xây dựng đội ngũ doanh nhân và cán bộ quản lý hợp tác xã có năng lực, tư duy đổi mới và khả năng dẫn dắt tăng trưởng.

Hoàn thiện đồng bộ hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất - kinh doanh; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số; mở rộng liên kết theo chuỗi giá trị; đồng thời hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

3.5. Thúc đẩy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

Phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và hợp tác xã, gắn với điều kiện miền núi; ưu tiên đổi mới công nghệ, ứng dụng số hóa và các hoạt động nghiên cứu, phát triển (R&D) trong nông nghiệp số, chế biến sau thu hoạch, thương mại điện tử nông sản, du lịch thông minh, năng lượng xanh và bảo tồn tài nguyên bản địa.

Chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh. Hình thành vườn ươm, không gian sáng tạo, quỹ hỗ trợ và mạng lưới chuyên gia; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, đổi mới quy trình công nghệ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

Thúc đẩy liên kết "*Nhà nước - Doanh nghiệp - Viện nghiên cứu - Trường đại học - Hợp tác xã*"; thu hút chuyên gia, nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực trọng tâm của tỉnh trong nhiệm kỳ tới; nghiên cứu cơ chế thử nghiệm sandbox cho mô hình đổi mới sáng tạo và công nghệ mới theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện trích lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ theo quy định; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ một cách hiệu quả, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; bổ sung và triển khai các cơ chế ưu đãi, miễn giảm thuế, phí theo thẩm quyền của tỉnh nhằm khuyến khích doanh nghiệp sử dụng quỹ cho các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D), đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ mới và nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ.

Quan tâm bố trí ngân sách địa phương và huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo phù hợp với khả năng và điều kiện thực tiễn của tỉnh (*nghiên cứu đối với một số nội dung sau để đề xuất phù hợp: cơ chế hỗ trợ đối ứng của tỉnh đối với các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ được doanh nghiệp triển khai bằng nguồn kinh phí từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bảo đảm khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng phòng thí nghiệm dùng chung và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu phát triển của doanh nghiệp; ưu tiên bố trí tại Trường Đại học Tây Bắc hoặc Trung tâm Đổi mới sáng tạo của tỉnh nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận cơ sở vật chất nghiên cứu hiện đại; hỗ trợ doanh nghiệp thuê, sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phân tích, đo kiểm, thử nghiệm sản phẩm phục vụ hoạt động nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp chủ động đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với nhu cầu đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác nghiên cứu với viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu chung, chuyển giao công nghệ, đồng tài trợ nghiên cứu, thử nghiệm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu; tư vấn khai thác, định giá và thương mại hóa tài sản trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp đưa tài sản trí tuệ vào tài sản bảo đảm để vay vốn nhằm nâng cao khả năng tiếp cận tín*

dụng; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ để phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường).

Phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình "đặt hàng đổi mới sáng tạo" của tỉnh đối với từng lĩnh vực ưu tiên nhằm khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng và làm chủ công nghệ.

3.6. *Đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế số*

Tập trung triển khai chuyển đổi số toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp điều kiện địa bàn miền núi, biên giới, dân cư phân tán của tỉnh. Ưu tiên phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông băng rộng, mở rộng vùng phủ sóng thông tin di động và internet đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước thu hẹp khoảng cách số giữa các địa bàn. Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, đồng bộ, kết nối giữa các cơ quan nhà nước; nâng cao tỷ lệ xử lý dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, chữ ký số và quản lý hồ sơ điện tử.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật, blockchain trong nông nghiệp thông minh, truy xuất nguồn gốc, quản trị vườn cây, giám sát chất lượng nông sản, logistics nông sản, thương mại điện tử và xúc tiến thị trường nông sản; phát triển hệ thống thông tin thị trường nông sản gắn với các vùng sản xuất tập trung, nhất là vùng cây ăn quả, chè, cà phê, chăn nuôi đại gia súc và thủy sản lòng hồ.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận công nghệ số thông qua các chương trình hướng dẫn, đào tạo chuyển đổi số cộng đồng; đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản bản địa, sản phẩm nông nghiệp chủ lực lên sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; khuyến khích hình thành các mô hình "bản số", "hợp tác xã số", "nông thôn số", "chợ số" và mô hình kinh doanh trực tuyến phù hợp điều kiện địa phương.

Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức, doanh nhân, hợp tác xã và người dân trong ứng dụng, vận hành và khai thác công nghệ số; xây dựng đội ngũ chuyên trách chuyên đổi số cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ hỗ trợ chuyển đổi số cơ sở.

3.7. *Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ doanh nhân, cán bộ hợp tác xã và chuyên gia công nghệ*

Tổ chức đào tạo đa dạng, linh hoạt cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cán bộ quản lý nhà nước; ưu tiên đào tạo kỹ năng quản trị, chuyển đổi số, marketing số, thương mại quốc tế, kiểm soát tiêu chuẩn chất lượng.

Liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp hàng đầu để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; khuyến khích học nghề gắn với việc làm cho thanh niên, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, lao động khu vực nông thôn.

Triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý doanh nghiệp và hợp tác xã; trong đó tập trung vào các kỹ năng quản trị công nghệ, quản trị nghiên cứu -

phát triển (R&D), sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, phân tích xu hướng công nghệ, phát triển sản phẩm mới, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và đổi mới mô hình kinh doanh.

Tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số trong quản trị, kỹ thuật sản xuất tiên tiến, truy xuất nguồn gốc, và tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp cử cán bộ tham gia chương trình đào tạo giám đốc điều hành (CEO), giám đốc công nghệ (CTO), giám đốc đổi mới sáng tạo (CIO/CSO).

Phát triển mạng lưới chuyên gia tư vấn, cố vấn khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; thu hút chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân thành công trong và ngoài tỉnh tham gia cố vấn, hướng dẫn, chuyển giao kinh nghiệm cho doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

Phát triển đội ngũ doanh nhân tỉnh Sơn La có tri thức, tầm nhìn và trách nhiệm xã hội, chú trọng đào tạo doanh nhân trẻ, doanh nhân dân tộc thiểu số, doanh nhân nữ.

Triển khai các chương trình thực tập, thực địa, nghiên cứu chung, đào tạo tại doanh nghiệp cho sinh viên và lao động trẻ nhằm bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh

Nghiên cứu xây dựng cơ chế đãi ngộ, hỗ trợ thu hút nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức hỗ trợ trung gian của tỉnh.

3.8. Tăng cường liên kết vùng, mở rộng thị trường và hội nhập quốc tế

Đẩy mạnh liên kết vùng Trung du và miền núi phía Bắc; kết nối chuỗi cung ứng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh biên giới.

Phát triển hệ thống logistics nông sản, kho lạnh, trung tâm sơ chế - chế biến, cửa khẩu biên giới, xúc tiến thương mại cửa khẩu; phát triển thương mại nông sản với thị trường Trung Quốc và các thị trường tiềm năng khác qua đường hàng không và đường sắt.

Tiếp tục duy trì, củng cố và phát triển hiệu quả các thị trường truyền thống đã có quan hệ hợp tác với tỉnh Sơn La; đồng thời chủ động nghiên cứu, mở rộng các thị trường mới, thị trường tiềm năng ở khu vực và quốc tế nhằm đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, giảm phụ thuộc vào một số thị trường, nâng cao khả năng thích ứng và sức cạnh tranh của sản phẩm địa phương.

Tổ chức hội nghị đầu tư, diễn đàn đổi mới sáng tạo, tuần lễ nông sản, liên kết tiêu thụ với hệ thống siêu thị, chuỗi thực phẩm sạch và sàn thương mại điện tử quốc tế.

3.9. Tăng cường thông tin, truyền thông, giám sát và đánh giá

Đẩy mạnh truyền thông về vai trò của kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tuyên dương doanh nghiệp, hợp tác xã tiêu biểu, nhân rộng mô hình hiệu quả.

Tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ, đánh giá định kỳ kết quả theo bộ chỉ số; công khai minh bạch, lấy ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

Gắn công tác thông tin, truyền thông với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành; nâng cao hiệu quả giám sát, đánh giá việc thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và đổi mới sáng tạo. Bảo đảm việc huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội công khai, minh bạch, hiệu quả; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các hạn chế, bất cập, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

III. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

Các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường tùy điều kiện cụ thể của địa bàn, cơ quan, đơn vị mình lựa chọn các hình thức tuyên truyền phù hợp như: Tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền lồng ghép gắn với sinh hoạt kỷ niệm ngày truyền thống; sinh hoạt câu lạc bộ, tọa đàm, giao lưu gặp mặt, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ... Tuyên truyền trên các trang thông tin điện tử, **Fanpage, Facebook, Zalo ..** của các cơ quan, đơn vị.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường phối hợp với Ban Xây dựng Đảng đảng uỷ xã, phường xây dựng kế hoạch tuyên truyền đảm bảo mục đích, yêu cầu, phù hợp với nhiệm vụ chung và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, hiệu quả.

Nơi nhận:

- BTT Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức thành viên Mặt trận tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường
- Các ban, Văn phòng Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lưu: VT, (*Nguyễn Thanh*).

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Lương Tâm